

THUYẾT KIẾN TẠO – CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Trị

Khoa Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Xây dựng cơ sở khoa học cho lý luận chương trình là công việc nặng nề nhưng cần thiết và cấp bách của khoa học giáo dục Việt Nam. Thuyết kiến tạo là một trong số những cơ sở lý luận của chương trình. Do vậy, chúng ta cần tiến hành nhận thức đầy đủ hơn về lý luận này, từ đó có hướng vận dụng đúng đắn vào thực tiễn thay đổi mục tiêu chương trình, lựa chọn nội dung chương trình, điều chỉnh kết cấu chương trình, thay đổi cách thức tổ chức thực hiện chương trình và cải cách hệ thống đánh giá chương trình, bảo đảm cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam đạt được bước tiến mới.

Từ khóa: Giáo dục phổ thông; Đổi mới chương trình; Thuyết kiến tạo; Quản lý chương trình; phát triển chương trình.

1. Mở đầu

Vấn đề cơ sở lý luận của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông luôn là “vấn đề nóng hổi” trong nghiên cứu chương trình và cải cách chương trình. Thuyết kiến tạo ra đời và phát triển được ví là “một cuộc cách mạng trong tâm lý học giáo dục đương đại” [3], có ảnh hưởng rất sâu rộng trong lý luận và thực tiễn dạy học và giáo dục của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc đến cải cách chương trình giáo dục phổ thông. Quan điểm về chương trình của Thuyết kiến tạo coi trọng việc bồi dưỡng cho người học tinh thần sáng tạo, ý thức hợp tác và năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn. Điều này phù hợp với yêu cầu của thời đại, bởi vậy nó đã nhận được sự quan tâm của những người làm công tác giáo dục. Tuy nhiên, bất kể một lý luận nào cũng đều có tính phiến diện của nó và nó chỉ phù hợp với một phạm vi nhất định, không thể “đúng mọi nơi mọi lúc”, “dùng được cho mọi nơi” được. Hiện nay, Việt Nam đang trong thời kì quan trọng của đổi mới chương trình, do vậy rất cần thiết phải coi trọng vai trò của lý luận chương trình, cần nghiên cứu có hệ thống về lý luận xây dựng chương trình (trong đó có lý luận của Thuyết kiến tạo) nhằm hiểu được cơ sở, nguồn gốc của các xu hướng, quan niệm dạy học, các phương pháp dạy học hiện đại, tạo điều kiện có cái nhìn toàn diện, hệ thống, tạo khả năng thẩm định và lựa chọn các kinh nghiệm hay và tốt của thế giới, tránh phiến diện, bảo thủ, giáo điều.

Ngày nhận bài: 11/11/2016. Ngày nhận đăng: 20/2/2017
Liên hệ: Nguyễn Quốc Trị, e-mail: triqugd@yahoo.com.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Những vấn đề cơ bản của Thuyết kiến tạo trong giáo dục

2.1.1. Sự ra đời của Thuyết kiến tạo

Thuyết kiến tạo (Constructivism) được hình thành trên cơ sở những lý luận cơ bản của việc quan sát và nghiên cứu khoa học về quá trình nhận thức của người học. Lý luận này ra đời và phát triển trong mấy chục năm gần đây. Những năm 80 của thế kỷ 20, tâm lý học giáo dục phát triển mạnh mẽ ở các nước phương Tây. Thuyết kiến tạo là một bước phát triển mới trong lịch sử phát triển của tâm lý học giáo dục, nó được hình thành trên cơ sở của sự phát triển từ chủ nghĩa hành vi đến chủ nghĩa nhận thức, và quá trình này được coi là “một cuộc cách mạng của tâm lý học giáo dục” và có ảnh hưởng rất lớn đến công cuộc cải cách chương trình hiện nay trên thế giới (chẳng hạn, ở Trung Quốc, những quan điểm của Thuyết kiến tạo - được coi là “linh hồn” của cải cách chương trình giáo dục phổ thông của Trung Quốc, được thể hiện rõ ràng trong *Đề cương cải cách chương trình giáo dục phổ thông (7/2001)*). Thuyết kiến tạo do học giả tâm lý học nổi tiếng người Thụy Sĩ Jean Piaget (1896-1980) khởi xướng, sau đó được các nhà tâm lý học L.Vygotsky (1896-1934), D.Ausube (1918-2008), J. Bruner (1915-2016)... kế thừa và phát triển, hình thành các trường phái khác nhau như: Thuyết kiến tạo cấp tiến; Thuyết kiến tạo mang tính xã hội; Thuyết kiến tạo xử lý thông tin; Quan điểm nhận thức văn hóa xã hội, v.v. Mặc dù vậy, những lý luận trên đây đều có chung nội hàm: tri thức là sản phẩm của hoạt động tạo ra bởi chủ thể thông qua trải nghiệm cá nhân – người học kết nối thông tin mới với thông tin hiện tại để kiến thức mới có ý nghĩa với cá nhân đó.

2.1.2. Nội hàm của Thuyết kiến tạo

Thuyết kiến tạo cho rằng, tri thức là do con người chủ động xây dựng và hình thành chứ không phải là bị động tiếp nhận [3]. Điều này đối lập lại với nhận thức thông thường của mọi người rằng tri thức là quá trình “bên ngoài chuyển nhập vào - bên trong hình thành”. Thuyết kiến tạo cho rằng tri thức không phải là từ bên ngoài chuyển nhập vào tâm hồn con người mà là trong quá trình tương tác giữa con người và thế giới bên ngoài, tri thức đã được hình thành từ bên trong tâm hồn con người. Mặt khác, tri thức không phải là sự phản ánh chính xác, khách quan hiện thực mà chỉ là một loại lý giải hoặc giả thiết mà thôi. Cùng với sự nhận thức ngày càng sâu sắc của nhân loại thì tri thức không ngừng được đổi mới. Trong từng vấn đề và hoàn cảnh cụ thể, loài người lại yêu cầu tiến hành gia công và sáng tạo lại tri thức để phù hợp với vấn đề và hoàn cảnh cụ thể mới. Mỗi người xuất phát trên nền tảng kinh nghiệm riêng của mình để xây dựng và hình thành tri thức, xác định ý nghĩa của tri thức cho mình. Do nền tảng kinh nghiệm của mỗi người khác nhau nên những tri thức được hình thành tất nhiên là cũng khác nhau. Với ý nghĩa đó, tri thức chỉ là sự hợp lý hóa kinh nghiệm của cá nhân, và nó không thể tồn tại độc lập với điều kiện cụ thể bên ngoài. Ngoài ra, kết cấu của tri thức không phải là kết cấu tùy ý. Trong quá trình con người hình thành tri thức luôn nhận sự ảnh hưởng của những nhân tố văn hóa xã hội đương thời, và cần phải tiến hành hợp tác, trao đổi với người khác để không ngừng điều chỉnh, sửa đổi tri thức của mình, có như vậy thì mới có thể hiểu biết một cách đầy đủ thế giới bên ngoài.

2.1.3. Những nguyên lý và quan điểm cơ bản của Thuyết kiến tạo [5]

- Tri thức do cá nhân chủ động hình thành, không phải là bị động tiếp nhận.
- Chức năng của tri thức thể hiện ở chỗ dùng để tổ chức hệ thống kinh nghiệm, không phải là để phát hiện hiện thực của bản thể.

- Về bản chất, tri thức không biểu trưng chính xác hiện thực mà nó chỉ là một loại giải thích, một loại giả thiết, yêu cầu chủ thể nhận thức đứng trước hoàn cảnh cụ thể mà tiến hành sáng tạo; tri thức không thể tồn tại độc lập với điều kiện cụ thể bên ngoài, nó chỉ có thể là do cá nhân người học dựa vào nền tảng kinh nghiệm của mình để hình thành.

- Dưới góc độ hoạt động giảng dạy thì hoạt động học tập không phải là do giáo viên truyền đạt tri thức cho người học, mà là quá trình người học dựa vào thông tin bên ngoài và thông qua nền tảng tri thức và kinh nghiệm đã có của mình để hình thành tri thức cho mình.

- Người học đến lớp học không phải là những đầu óc trống rỗng, mà trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong hoạt động học tập đã qua, người học đã hình thành vốn kinh nghiệm và nền tảng tri thức rộng rãi và phong phú cho mình.

2.1.4. Chủ trương cơ bản của Thuyết kiến tạo [5]

- Học tập là một quá trình tích cực chủ động: người học không phải là người bị động tiếp nhận thông tin từ bên ngoài mà phải căn cứ vào nền tảng nhận thức đã có và lựa chọn, xử lí các thông tin bên ngoài để hình thành những tri thức có ý nghĩa đối với cuộc sống hiện tại.

- Tri thức là hợp lí hóa kinh nghiệm cá nhân chứ không phải là giải thích chân lí của thế giới.

- Sự hình thành tri thức không phải là bất kì và tùy ý.

- Sự hình thành tri thức của người học là hết sức đa dạng.

2.1.5. Quan điểm về chương trình dạy học của Thuyết kiến tạo

Quan điểm chương trình dạy học của Thuyết kiến tạo lấy quan điểm về tri thức làm tư tưởng chỉ đạo. Lí luận này cho rằng:

Thứ nhất là: Mục tiêu của dạy học là bồi dưỡng năng lực sáng tạo, ý thức hợp tác và kĩ năng giải quyết vấn đề cho người học: Những người theo Thuyết kiến tạo nhấn mạnh tính chủ động sáng tạo, tính xã hội và tính thích nghi hoàn cảnh trong hoạt động học tập của người học.

Thứ hai là: Nội dung chương trình dạy học cần thể hiện tính lựa chọn chân thực. Theo quan điểm của những người theo Thuyết kiến tạo, hoạt động học tập của người học là quá trình tích lũy, bởi vì sự hình thành tất cả những tri thức mới đều được xây dựng trên cơ sở nền tảng kinh nghiệm đã có. Do vậy, trong dạy học cần để cho người học tích cực chủ động tiến hành hoạt động hình thành tri thức. Nội dung chương trình không thể tách rời với vốn kinh nghiệm đã có của người học, không thể xa rời môi trường cuộc sống sinh hoạt hiện thực của các em, mà cần phải tăng cường mối liên hệ giữa nội dung chương trình và cuộc sống sinh hoạt hiện thực của các em, thể hiện tính chân thực cuộc sống, phản ánh được thế giới hiện tại. Nội dung chương trình phải thể hiện tính thực dụng, tính đa dạng, tính lí thú và tính tìm tòi nghiên cứu.

Thứ ba là: Về vai trò chủ thể của người học trong dạy học: Những người theo Thuyết kiến tạo cho rằng, dạy học là hoạt động dưới sự chỉ đạo của giáo viên, người học năng động tiến hành hình thành tri thức. Theo quan điểm này, người học không trực tiếp và không bị động tiếp nhận tri thức giáo viên truyền đạt. Trước khi vào lớp học, người học đã tích lũy được vốn kinh nghiệm phong phú, đã có cách nhìn nhận về các hiện tượng cuộc sống. Giáo viên trước khi truyền thụ tri thức cần thiết phải cân nhắc đến vốn kinh nghiệm đã có của người học, lấy đó làm điểm xuất phát để hướng dẫn người học hình thành tri thức mới. Vì vậy mà ở đây, giáo viên không phải là người cung cấp tri thức, mà là người chỉ đạo, người giúp đỡ, hướng dẫn người học tổng hợp, phân tích và làm sáng tỏ sự khác nhau giữa tri thức cũ và mới, giúp người học hình thành hệ thống tri thức mới của mình. Bên cạnh đó, trong quá trình dạy học, giáo viên cần điều chỉnh tài liệu dạy học hiện có

cho phù hợp với bối cảnh hiện tại, gợi cho người học thấy được những mâu thuẫn trong nhận thức, từ đó giúp người học xem xét, suy nghĩ, rút ra biện pháp giải quyết vấn đề. Mặt khác, trong toàn bộ quá trình dạy học, cần xây dựng mối quan hệ hỗ trợ, giúp đỡ và hài hòa giữa giáo viên và người học, người học và người học, người học và môi trường xung quanh; không ngừng làm phong phú và chính xác sự nhận thức của người học.

Thứ tư là: Coi trọng đánh giá quá trình học tập: Những người theo Thuyết kiến tạo coi trọng quá trình đạt được tri thức. Họ cho rằng, quá trình học tập quan trọng hơn kết quả học tập. Bởi thế, đánh giá cần dựa trên sự thay đổi trưởng thành trong quá trình học tập của người học, chú trọng kiểm tra và đánh giá tổng hợp thái độ học tập, năng lực sáng tạo, năng lực thực tiễn, v.v. chứ không phải là thành tích học tập. Các loại hình đánh giá bao gồm tự đánh giá của người học, người học đánh giá người học và giáo viên đánh giá người học. Phương thức đánh giá cần đa dạng hóa chứ không chỉ hạn chế bởi phương thức kiểm tra viết truyền thống.

2.1.6. Quan điểm dạy – học của Thuyết kiến tạo

Quan điểm học tập của Thuyết kiến tạo hiện đại là lấy người học làm trung tâm, thể hiện trên 3 phương diện dưới đây:

Thứ nhất: Thuyết kiến tạo hiện đại coi học tập là quá trình người học chủ động hình thành biểu trưng tâm lý bên trong. Học tập cần hình thành biểu trưng về các sự vật và quá trình, nhưng nó không phải là bản sao trực tiếp của thế giới bên ngoài, mà là thông qua kết cấu tri thức đã có (bao gồm tri thức kinh nghiệm trước đây và sách lược nhận thức) để tiến hành xử lý thông tin mới để hình thành tri thức mới.

Thứ hai: Quá trình học tập đồng thời bao hàm hình thành 2 mặt: (1) hình thành ý nghĩa của thông tin mới, đồng thời (2) cải tạo và tổ chức lại kinh nghiệm đã có.

Thứ ba: Người học lấy phương thức hình thành tri thức của mình để hiểu về sự vật, do vậy mà mỗi người khác nhau đều nhìn thấy những phương diện nhau của sự vật, không tồn tại một tiêu chuẩn hiểu biết duy nhất [5]. Tuy nhiên, thông qua sự hợp tác giữa những người học với nhau để làm cho cách hiểu được phong phú và toàn diện hơn. Những người theo Thuyết kiến tạo hiện đại cho rằng ý nghĩa của sự vật hoàn toàn không tồn tại độc lập với chúng ta mà ngọn nguồn của nó do chúng ta hình thành, mỗi cá nhân đều lấy phương thức của mình để hiểu về mỗi phương diện của sự vật, dạy học cần tăng cường sự hợp tác giữa những người học với nhau để cho họ nhìn thấy được cơ sở của những quan điểm không giống nhau. Vì vậy, tinh thần hợp tác học tập đã nhận được sự quan tâm rộng rãi của những nhà Thuyết kiến tạo. Những tư tưởng này là sự phát triển của lý thuyết về văn hóa xã hội trong sự phát triển tâm lý và “vùng phát triển gần nhất” của L. Vygotsky.

Từ quan điểm học tập của Thuyết kiến tạo đã hình thành quan điểm dạy học. Theo Thuyết kiến tạo, dạy học phải bao gồm sự hiểu biết về kết cấu nhận thức hiện tại của người học, đồng thời cung cấp cho họ những hoạt động học tập thích hợp để giúp đỡ họ. Giáo viên trở thành người chỉ đạo và người dẫn đường cho hoạt động học tập của người học, duy trì môi trường phù hợp cho hoạt động học tập của họ.

2.2. Thuyết kiến tạo và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay

Vấn đề cốt lõi, trung tâm của công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam là tập trung chuyển mạnh từ giáo dục chủ yếu là truyền thụ kiến thức sang hình thành phẩm chất và phát triển năng lực người học. Trên cơ sở kiến thức cơ bản, cần thiết, gây hứng thú, cần phát triển các năng lực, đáng chú ý bậc nhất là năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác. Việc chuyển từ

giáo dục truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực liên quan trực tiếp, chặt chẽ và trước tiên tới việc xây dựng chương trình đào tạo. Những định hướng đổi mới giáo dục của Việt Nam với quan điểm người học là trung tâm và theo tiếp cận năng lực là rất phù hợp với bản chất và những nguyên tắc cơ bản của Thuyết kiến tạo: coi trọng bồi dưỡng cho người học tinh thần sáng tạo, ý thức hợp tác và năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nói một cách khác, quan điểm về chương trình của Thuyết kiến tạo sẽ phát huy ảnh hưởng rộng lớn đối với thay đổi mục tiêu chương trình, lựa chọn nội dung chương trình, điều chỉnh kết cấu chương trình, thay đổi cách thức tổ chức thực hiện chương trình và cải cách hệ thống đánh giá chương trình. Điều này phù hợp với yêu cầu của thời đại và thực tiễn đổi mới chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay.

2.2.1. Thay đổi mục tiêu chương trình

Từ những thập kỉ cuối thế kỉ 20, đầu thế kỉ 21, nhiều quốc gia đã chuyển hướng giáo dục, xây dựng lại chương trình giáo dục phổ thông, chuyển từ chương trình tiếp cận nội dung sang chương trình tiếp cận năng lực người học. Các nước này coi đó như một giải pháp tự nhiên để có thể loại bỏ những bất cập, yếu kém của nền giáo dục phổ thông hiện có. Đến nay đã có nhiều nước xây dựng chương trình giáo dục phổ thông theo tiếp cận năng lực, như: Úc, Niu-di-lân, Đan Mạch,...

Giáo dục Việt Nam trước đây nhấn mạnh tính hệ thống của tri thức, mục tiêu tri thức là tối thượng. Tri thức sách giáo khoa được coi là “bảo bối”, xem nhẹ việc bồi dưỡng tinh thần sáng tạo, ý thức hợp tác, năng lực thực tiễn,... của người học. Một trong những hạn chế cơ bản của chương trình hiện hành là chưa giải quyết hài hoà giữa giáo dục toàn diện cho mọi học sinh với việc phát triển năng lực, sở trường riêng của mỗi học sinh; chương trình mới chỉ chú trọng việc truyền thụ kiến thức, chưa chú trọng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

Đứng trước những hạn chế của nền giáo dục phổ thông coi trọng tri thức xem nhẹ năng lực trước đây, cần phải “đổi mới mục tiêu cơ bản của giáo dục từ tập trung vào trang bị kiến thức, kĩ năng sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, đảm bảo hài hoà giữa “dạy chữ”, “dạy người” và định hướng nghề nghiệp” [2], thay đổi chương trình giáo dục quá chú trọng truyền thụ tri thức, nhấn mạnh việc hình thành thái độ học tập tích cực chủ động, giúp người học học tập và bước đầu có tinh thần sáng tạo và năng lực thực tiễn. Đồng thời, chương trình mới cần được “xây dựng theo hướng coi trọng dạy người với dạy chữ, rèn luyện, phát triển cả về phẩm chất và năng lực;... Chương trình mới lấy học sinh làm trung tâm, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo, khả năng tự học của học sinh; tăng cường tính tương tác trong dạy và học giữa thầy với trò, trò với trò và giữa các thầy giáo, cô giáo” [6]. Trong khi đó, những người theo Thuyết kiến tạo cho rằng tri thức sách giáo khoa chỉ là một loại giải thích hoặc giả thiết về hiện tượng nào đó chứ không phải là đáp án cuối cùng của vấn đề, do vậy, người học không cần thiết phải tôn sùng tri thức sách giáo khoa mà cần phải chủ động tìm tòi tri thức mới, vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong những hoàn cảnh cụ thể. Rõ ràng, trong xây dựng mục tiêu chương trình của cải cách chương trình đã chịu một số ảnh hưởng của Thuyết kiến tạo.

2.2.2. Lựa chọn nội dung chương trình

Trong một thời gian dài, trong lĩnh vực giáo dục phổ thông Việt Nam, việc biên soạn tài liệu giảng dạy đều cố gắng thể hiện tính hoàn chỉnh, tính hệ thống, tính logic của nội dung; nội dung chương trình rườm rà, khó (không hay), lệch (phiên diện), cũ (lạc hậu) và quá chú trọng tri thức sách vở. Cải cách chương trình mới yêu cầu “đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi và trình độ nhận thức của học sinh; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Nội dung giáo dục được lựa chọn là những tri thức cơ bản, đảm bảo

vừa hội nhập quốc tế, vừa gắn với thực tiễn Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đề cao tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh” [2]. Cải cách chương trình mới đòi hỏi phải vứt bỏ những bộ phận nội dung mất cân đối, rườm rà trong nội dung chương trình, tăng cường mối liên hệ giữa nội dung chương trình với cuộc sống của người học và xã hội, thực hiện hiện đại hóa, đời sống hóa nội dung chương trình. Điều này thống nhất với quan điểm về chương trình của Thuyết kiến tạo, đó là: “nội dung chương trình cần thể hiện tính lựa chọn chân thực”.

2.2.3. Điều chỉnh kết cấu chương trình

Trong chương trình trung học và tiểu học của Việt Nam trước đây, môn học quá nhiều, mặt khác, chương trình lại nhấn mạnh đến tính hàn lâm khoa học, chương trình khoa học chiếm vị trí chủ đạo, nội dung chương trình thiếu hụt tính chỉnh thể. . . Tuy nhiên thể giới hiện thực của cuộc sống người học là một chỉnh thể tổng hợp của các hiện tượng phức tạp đan chéo nhau, điều này đòi hỏi người học trong tương lai phải biết vận dụng tổng hợp những tri thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, tương ứng với nó là chương trình nhà trường cần phá bỏ tính đơn nhất của hệ thống tri thức khoa học, kết hợp hữu cơ các loại tri thức khác nhau. Bởi thế, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông cần thay đổi hiện trạng kết cấu chương trình quá nhấn mạnh đến khoa học, môn học quá nhiều và thiếu hụt tính chỉnh thể; xây dựng chỉnh thể chương trình môn học; xây dựng chương trình tổng hợp, đảm bảo yêu cầu thích ứng với các vùng miền và phát triển người học, thể hiện tính cân đối, tính tổng hợp và tính lựa chọn trong kết cấu chương trình. “Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi và trình độ nhận thức của học sinh; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn” [2]. Điều này phản ánh quan điểm “giúp người học giải quyết những vấn đề mang tính chỉnh thể, giảm bớt giới hạn khoa học” trong chủ trương của Thuyết kiến tạo.

2.2.4. Cải cách thực hiện chương trình

Khâu trung tâm của cải cách chương trình là thực hiện chương trình, mà con đường cơ bản để thực hiện chương trình là dạy học. Trong dạy học truyền thống của Việt Nam, quyền uy của giáo viên giữ địa vị tuyệt đối, giữa giáo viên và người học thiếu sự hợp tác và giao lưu bình đẳng và chân thành. Điều này không tránh khỏi sự kìm hãm tính chủ động và tính sáng tạo của người học. Quan điểm dạy học của Thuyết kiến tạo nhấn mạnh đến yêu cầu giáo viên tôn trọng và hỗ trợ người học; người học chủ động tham gia, vui với việc tìm tòi nghiên cứu, bồi dưỡng người học năng lực thu thập và xử lý thông tin, năng lực thu được tri thức mới, năng lực phân tích và giải quyết vấn đề và năng lực giao lưu và hợp tác học tập. Thống nhất với những quan điểm này, “Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” yêu cầu cần thực hiện việc dạy học trong đó “Học sinh tự tìm tòi kiến thức, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực thông qua các hoạt động học tập dưới sự chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn của giáo viên; học sinh được trình bày và bảo vệ ý kiến của mình, được lắng nghe và phản biện ý kiến của bạn, nhất là khi tham gia các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo; khắc phục lối truyền đạt áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc” [2].

2.2.5. Cải cách kiểm tra, đánh giá chương trình

Hiện nay, việc đánh giá kết quả giáo dục còn phiến diện, lạc hậu, chưa hướng tới mục tiêu phát triển hài hoà phẩm chất và năng lực của học sinh. Công cuộc đổi mới chương trình mới của Việt Nam chỉ rõ cần thay đổi đánh giá chương trình. “Thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục phải dựa vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của học sinh được quy định trong chương trình; phối hợp đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kì, cuối năm học; đánh giá của

người dạy với tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và của xã hội” [6]. Cần thay đổi đánh giá chương trình quá nhấn mạnh đến chức năng phân biệt và tuyển chọn, thực hiện đánh giá có tính phát triển; thực hiện đa dạng hóa chỉ tiêu đánh giá, đánh giá không chỉ chú trọng đến thành tích học tập mà càng cần phải phản ánh quá trình học tập và thái độ học tập của người học; phát hiện và phát triển tiềm năng nhiều mặt của người học; thay đổi thi cử đơn thuần là kiểm tra viết để đo đạc mức độ nắm vững tri thức của người học; lựa chọn đa dạng các phương pháp đánh giá (chẳng hạn thảo luận, nghiên cứu bài tập, v.v..) để kiểm tra người học về tình cảm, thái độ, năng lực sáng tạo, năng lực thực tiễn và năng lực hợp tác giao lưu của người học. Điều này thay đổi cục diện “luận anh hùng trên giấy” trước đây, đánh giá xuyên suốt quá trình học tập của người học, và phù hợp với quan điểm đánh giá “chú trọng quá trình, xem nhẹ kết quả” của Thuyết kiến tạo hiện đại đã đề xướng.

2.2.6. Đổi mới quản lí và phát triển chương trình cho phù hợp với tư tưởng “mở” của chương trình

Hệ thống quản lí của chúng ta nặng nề về hành chính, tập trung. Điều này không còn phù hợp với tư tưởng “mở” của chương trình trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay: cần thiết phải tạo điều kiện tối đa cho các địa phương, các trường học, cho người dạy và người học... tham gia vào quá trình thiết kế, triển khai và có thể đóng góp quyết định làm cho chương trình phù hợp với đối tượng hơn, thường xuyên hoàn thiện chương trình,...

Quá trình phát triển chương trình là một quá trình diễn ra liên tục bao gồm hai công đoạn chính: thiết kế chương trình (bao gồm cả thử nghiệm chương trình), triển khai thực thi chương trình [1]. Quá trình triển khai thực thi chương trình là một quá trình phức tạp đòi hỏi rất nhiều đóng góp của các cơ quan nghiên cứu, chỉ đạo các cấp để làm cho chương trình trở thành hiện thực dạy học, ngày càng phù hợp và có hiệu quả hơn đối với học sinh ở các vùng miền khác nhau với các bối cảnh và điều kiện học tập hết sức phong phú và đa dạng. Đây là một quá trình thường xuyên tiếp nhận những thông tin phản hồi từ kết quả thực thi chương trình, thường xuyên điều chỉnh, hoàn thiện, khắc phục những điểm yếu của chương trình, “địa phương hoá” các nội dung dạy học, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học làm cho chương trình ngày càng phù hợp và có hiệu quả. Đây là điểm khác biệt rất lớn so với quan niệm cổ truyền về xây dựng chương trình. Với chương trình truyền thụ theo quan niệm cũ, quá trình xây dựng chương trình sẽ dừng lại khi hoàn thành văn bản chương trình và sách giáo khoa. Với chương trình theo quan niệm hiện đại, quá trình phát triển chương trình là một quá trình diễn ra liên tục, bắt đầu từ khâu điều tra cơ bản về yêu cầu của xã hội và nhu cầu của người học để chuẩn bị phác thảo chương trình và chỉ kết thúc khi bắt đầu dừng việc thực thi chương trình hiện hành để chuyển sang thực thi chương trình mới. Như vậy, trong quá trình phát triển chương trình hiện hành thì đồng thời diễn ra quá trình triển khai xây dựng một bộ chương trình mới để thay thế chương trình hiện hành mà đối với xã hội hiện đại với đặc điểm phát triển rất nhanh, biến động lớn thì vòng đời của chương trình ngày càng rút ngắn lại.

3. Kết luận

Đổi mới chương trình ở trường phổ thông là một chuyển biến trọng tâm góp phần phát triển các phẩm chất và các năng lực tự chủ, năng động, sáng tạo,... của những nhân cách và sức lao động hiện nay và tương lai. Thuyết kiến tạo là một trong những cơ sở lí luận của đổi mới chương trình. Với hệ thống các quan điểm về kiến tạo và hình thành tri thức, ý nghĩa của tri thức, những nguyên lí, quan điểm về chương trình dạy học, về dạy học, nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa nội dung chương trình và cuộc sống sinh hoạt hiện thực của người học, thể hiện tính chân thực cuộc

sống, phản ánh được thế giới hiện tại. . . những kiến giải của Thuyết kiến tạo trong hoạt động giáo dục góp phần tạo dựng cơ sở lý luận cho công cuộc đổi mới chương trình GDPT hiện nay ở Việt Nam trên các phương diện thay đổi mục tiêu, nội dung, kết cấu, cách thức tổ chức thực hiện, hệ thống đánh giá, quản lý và phát triển chương trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hữu Chí, 2004. *Những xu hướng chung của chương trình hiện đại*. Tạp chí Giáo dục, Số 78, tr.28-29.
- [2] “Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông” (10/2014) của Chính phủ.
- [3] Vương Bản Lục, 2006. *Luận về cải cách chương trình và thực tiễn Trung Quốc*. Tạp chí Khoa học xã hội Đại học Sư phạm Bắc Kinh, Số 4, tr.54-61
- [4] Phan Trọng Ngọ (chủ biên), 2003. *Các lý thuyết phát triển Tâm lý người*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [5] Tiền Hải Uyên, Thôi Kỳ Ân, Trần Tiểu Bình, 2009. *Chủ nghĩa kiến tạo: linh hồn của cải cách chương trình*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Bắc, số 2, tr.37-40.
- [6] Quyết định 404/QĐ-TTg 2015 (27/3/2015) của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.
- [7] Dương Trung Xu, 2004. *Nghiên cứu quản lý chương trình nhà trường*. Đại học Sư phạm Tây Bắc, Luận án tiến sĩ, tr.92.

ABSTRACT

Constructivism theory – rationale of curriculum innovation of Vietnam general education

Nguyen Quoc Tri

Faculty of Educational Management, Hanoi National University of Education

Developing scientific basis for the program theory has been a hard but necessary and urgent work for Vietnam’s educational science. The constructivism theory is one of the rationales of the curriculum. Therefore, we need to conduct more fully awareness of this theory which will lead to changes in curriculum objectives, select curriculum content, correct curriculum framework, modify the ways to implement curriculum, and renew curriculum assessment system. This also ensures that the curriculum innovation of Vietnam general education is achieving new progress.

Keywords: General education; Curriculum innovation; Constructivism theory; Curriculum management; Curriculum development.